

Số: *17* /2023/QĐ-UBNDLào Cai, ngày *20* tháng 6 năm 2023**QUYẾT ĐỊNH**

Quy định mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Lào Cai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, tài nguyên nước và khoáng sản; khí tượng thủy văn; đo đạc và bản đồ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 82/TTr-STNMT ngày 23 tháng 02 năm 2023 và Văn bản số 1387/STNMT-TTr ngày 24 tháng 5 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Lào Cai mà phải áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm theo quy định tại Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 16 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai (sau đây viết tắt là Nghị định số 91/2019/NĐ-CP) được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 3, khoản 4 Điều 1 Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; tài nguyên nước và khoáng sản; khí tượng thủy văn; đo đạc và bản đồ (sau đây viết tắt là Nghị định số 04/2022/NĐ-CP).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Lào Cai bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm theo quy định tại Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 16 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 3, khoản 4 Điều 1 Nghị định số 04/2022/NĐ-CP.

2. Các cơ quan, người có thẩm quyền xử phạt và tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm theo quy định tại Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 16 của Nghị định số 91/2019/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 3, khoản 4 Điều 1 Nghị định số 04/2022/NĐ-CP.

3. Các cơ quan quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 3. Căn cứ xác định tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm

1. Tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm là tình trạng của đất trước thời điểm bị đối tượng vi phạm thực hiện hành vi vi phạm hành chính, được xác định theo một trong các căn cứ sau:

a) Văn bản thanh tra; văn bản kiểm tra; biên bản hoặc văn bản pháp lý khác được cơ quan, cá nhân có thẩm quyền xác lập, ban hành trước thời điểm vi phạm pháp luật về đất đai có thể hiện tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm.

b) Giấy tờ về quyền sử dụng đất, chứng nhận về tài sản gắn liền với đất hợp pháp.

c) Hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu về đất đai.

d) Hồ sơ diễn biến rừng, phân loại rừng.

đ) Quy hoạch 3 loại rừng.

2. Đối với trường hợp có nhiều tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này thể hiện khác nhau về tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm thì xác định theo tài liệu có thời điểm thành lập, ban hành gần nhất với thời điểm phát hiện vi phạm.

3. Trường hợp không có hoặc có các tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này nhưng không thể hiện hoặc thể hiện không rõ ràng tình trạng ban đầu của đất

trước khi vi phạm thì phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã trên cơ sở thu thập ý kiến của những người đã từng cư trú tại nơi có đất trước hoặc cùng thời điểm xảy ra hành vi vi phạm pháp luật đất đai bị xử phạt vi phạm hành chính.

Điều 4. Các mức độ khôi phục tình trạng ban đầu của đất

1. Khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất gồm những biện pháp nhằm khôi phục lại tình trạng của loại đất đó trước khi bị tác động bởi hành vi vi phạm.

2. Khôi phục lại mục đích sử dụng của đất trước khi vi phạm gồm những biện pháp nhằm khôi phục lại mục đích sử dụng của loại đất đó trước khi bị tác động bởi hành vi vi phạm. Đất sau khi được khôi phục phải có tính tương đồng với các thửa đất xung quanh có cùng mục đích sử dụng.

3. Phá dỡ, di chuyển các công trình, tài sản trên đất, di chuyển hoặc thu hồi các vật, vật liệu ra khỏi thửa đất.

4. Xây dựng các công trình bảo vệ để đưa toàn bộ diện tích đất sử dụng sai mục đích về trạng thái an toàn, cải tạo đất bảo đảm mục đích sử dụng đất trước khi vi phạm.

Điều 5. Mức độ khôi phục tình trạng ban đầu của đất đối với các trường hợp vi phạm quy định tại Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12, khoản 2 Điều 13 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP và quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 04/2022/NĐ-CP

1. Các trường hợp vi phạm quy định tại Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP phải khôi phục lại mục đích sử dụng đất trước khi vi phạm trừ trường hợp quy định tại Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Đất đai.

2. Trường hợp vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 4 Điều 1 Nghị định số 04/2022/NĐ-CP phải khôi phục lại mục đích sử dụng đất trước khi vi phạm.

Điều 6. Mức độ khôi phục tình trạng ban đầu của đất đối với trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 14 của Nghị định số 91/2019/NĐ-CP

1. Trường hợp lấn, chiếm đất chưa sử dụng, đất phi nông nghiệp thì đối tượng vi phạm phải thực hiện việc phá dỡ, di chuyển các công trình, tài sản trên đất để trả lại mặt bằng trừ trường hợp quy định tại Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Đất đai.

2. Trường hợp lấn, chiếm đất nông nghiệp, sông, ngòi, kênh, rạch, suối và mặt nước chuyên dùng thì đối tượng vi phạm phải thực hiện biện pháp: Phá dỡ, di chuyển các công trình, tài sản trên đất để trả lại mặt bằng và khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm, trừ trường hợp quy định tại Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Đất đai.

Điều 7. Mức độ khôi phục tình trạng ban đầu của đất đối với trường hợp vi phạm quy định tại Điều 15 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP

1. Trường hợp làm biến dạng địa hình do làm cho bề mặt đất thấp hoặc cao hơn so với thửa đất liền kề thì buộc đối tượng vi phạm khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm bằng cách thực hiện khôi phục độ cao ban đầu của đất bằng các thửa đất liền kề và thực hiện cải tạo đất để sử dụng theo đúng mục đích trước khi vi phạm, không ảnh hưởng đến thửa đất xung quanh.

2. Trường hợp làm biến dạng địa hình do lấp đất nuôi trồng thủy sản, đất sông, ngòi, kênh rạch, đất có mặt nước chuyên dùng thì buộc đối tượng vi phạm khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm.

3. Trường hợp làm biến dạng địa hình đối với đất trồng lúa thì buộc đối tượng vi phạm phải khôi phục lại mặt bằng đủ điều kiện trồng lúa.

4. Trường hợp làm suy giảm chất lượng đất theo mục đích đã được xác định thì buộc đối tượng vi phạm phải khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm bằng cách cải tạo đất tương đương với chất lượng thửa đất ban đầu hoặc thửa đất liền kề có cùng mục đích sử dụng.

5. Trường hợp không thể khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất hoặc khi thực hiện san lấp, đắp lại mặt bằng như ban đầu có thể gây nguy hiểm cho người, các công trình xây dựng, sạt lở, vùi lấp thửa đất xung quanh, thì buộc phải thực hiện các biện pháp xây dựng các công trình bảo vệ để đưa toàn bộ diện tích đất sử dụng sai mục đích về trạng thái an toàn, cải tạo đất bảo đảm mục đích sử dụng đất trước khi vi phạm. Đối tượng vi phạm phải chịu trách nhiệm về chất lượng công trình khi xử lý khắc phục.

Điều 8. Mức độ khôi phục tình trạng ban đầu của đất đối với trường hợp vi phạm quy định tại Điều 16 của Nghị định số 91/2019/NĐ-CP

1. Trường hợp vi phạm tại khoản 1 Điều 16 của Nghị định số 91/2019/NĐ-CP thì đối tượng vi phạm bị buộc phải thực hiện việc phá dỡ các công trình, tài sản, di chuyển các vật gây cản trở hoặc thiệt hại cho việc sử dụng đất của người khác.

2. Trường hợp vi phạm tại khoản 2, khoản 3 Điều 16 của Nghị định số 91/2019/NĐ-CP thì đối tượng vi phạm phải khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm.

Điều 9. Kiểm tra và xác nhận hoàn thành việc khôi phục tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm

1. Người ra quyết định, cơ quan của người ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả mà có biện pháp khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất hoặc cơ quan được giao tổ chức thực hiện có trách nhiệm kiểm tra và xác nhận đã hoàn thành việc khắc phục hậu quả về khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất bằng biên bản có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất vi phạm.

2. Trường hợp vi phạm thuộc thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính hoặc quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thì do Ủy ban nhân dân cấp xã kiểm tra, xác nhận.

Điều 10. Trách nhiệm của các cấp, các ngành

1. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thực hiện việc tuyên truyền, phổ biến Quyết định này để kịp thời triển khai thực hiện.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Giao thông vận tải - Xây dựng kiểm tra và xác nhận hoàn thành việc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất đối với trường hợp xử phạt vi phạm và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan có trách nhiệm phối hợp thực hiện nhiệm vụ theo Quyết định này và các nội dung khác có liên quan đến việc xử lý vi phạm hành chính theo chức năng, nhiệm vụ.

3. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

a) Tổ chức thực hiện việc xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, áp dụng mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất đối với các vi phạm theo đúng quy định, đúng thẩm quyền.

b) Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh nếu để xảy ra tình trạng vi phạm pháp luật đất đai mà không kịp thời xử lý hoặc kiến nghị người có thẩm quyền xử lý.

4. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

a) Tổ chức thực hiện việc xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, áp dụng mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất đối với các vi phạm theo đúng quy định, đúng thẩm quyền.

b) Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố nếu để xảy ra tình trạng vi phạm pháp luật đất đai mà không kịp thời xử lý hoặc kiến nghị người có thẩm quyền xử lý.

Điều 11. Xử lý chuyển tiếp

1. Đối với các trường hợp vi phạm đã có quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện biện pháp khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất theo quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đó.

2. Đối với các trường hợp vi phạm chưa có quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả thì thực hiện biện pháp khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất theo Quyết định này.

Điều 12. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2023
2. Trong quá trình triển khai thực hiện Quyết định này nếu có khó khăn, vướng mắc thì các cơ quan, tổ chức, cá nhân kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường để xem xét, quyết định.
3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT. TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Báo Lào Cai; Đài PT&TH tỉnh;
- Như Điều 12 Quyết định;
- Công báo Lào Cai;
- Lưu VT, TNMT1.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Trọng Hải